

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2023**

---

**Tháng 8 năm 2023**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 36



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông – Tin học Bưu điện (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Anh Lộc	Chủ tịch HĐQT
Ông Tô Hoài Văn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Hà Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Thịnh	Ủy viên
Ông Lưu Công Nguyên	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hà Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này là:

Ông Hà Thanh Hải      Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.


**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**

158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Hà Thanh Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023



Số: 291 /VACO/BCSX.NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện

Chúng tôi đã thực hiện soát xét toàn báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 04 đến trang 36 bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (gọi chung là "báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ").

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



**Chữ Mạnh Hoan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.253.523.495.428</b>	<b>1.223.020.256.346</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>87.057.842.149</b>	<b>203.273.189.687</b>
1. Tiền	111		72.057.842.149	92.873.189.687
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	110.400.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>984.612.929.522</b>	<b>824.012.370.466</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	889.251.992.618	671.517.356.168
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	64.873.198.311	119.541.333.691
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	32.049.291.908	34.515.233.922
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.561.553.315)	(1.561.553.315)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>158.010.676.068</b>	<b>177.112.900.361</b>
1. Hàng tồn kho	141		158.898.838.646	178.001.062.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(888.162.578)	(888.162.578)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.842.047.689</b>	<b>18.621.795.832</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	23.446.406.282	11.200.533.679
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		395.641.407	5.542.960.578
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	16	-	1.878.301.575
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>231.827.820.748</b>	<b>230.722.054.110</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.455.138.909</b>	<b>1.456.065.109</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.455.138.909	1.456.065.109
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>132.372.126.483</b>	<b>137.449.433.816</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	48.847.698.900	52.910.941.025
- Nguyên giá	222		204.555.229.029	203.745.187.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.707.530.129)	(150.834.246.896)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	83.524.427.583	84.538.492.791
- Nguyên giá	228		87.623.586.394	87.623.586.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.099.158.811)	(3.085.093.603)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>20.474.567.957</b>	<b>12.403.911.938</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	20.474.567.957	12.403.911.938
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>65.306.549.286</b>	<b>64.764.200.000</b>
1. Đầu tư góp vốn và đơn vị khác	253		66.374.000.000	66.374.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.067.450.714)	(1.609.800.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.219.438.113</b>	<b>14.648.443.247</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	12.219.438.113	14.648.443.247
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.485.351.316.176</b>	<b>1.453.742.310.456</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
*Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023*

*Đơn vị: VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>856.137.867.741</b>	<b>791.467.287.089</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>853.612.738.436</b>	<b>790.330.478.771</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	244.129.619.740	326.410.935.756
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	48.424.687.506	10.628.380.828
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	4.170.105.367	3.037.407.329
4. Phải trả người lao động	314		5.664.175.580	11.976.814.840
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	19.251.955.688	26.947.532.628
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.887.995.500	11.130.268.854
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	54.836.808.795	29.720.784.671
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	455.475.249.783	346.002.680.093
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	3.810.313.626	8.630.547.628
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.961.826.851	15.845.126.144
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.525.129.305</b>	<b>1.136.808.318</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	842.352.915	778.215.900
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	1.682.776.390	358.592.418
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>629.213.448.435</b>	<b>662.275.023.367</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>629.213.448.435</b>	<b>662.275.023.367</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		321.850.000.000	321.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		321.850.000.000	321.850.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.512.000.000	2.512.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		96.915.896.964	96.915.896.964
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		207.935.551.471	240.997.126.403
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		206.876.799.447	222.106.600.901
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.058.752.024	18.890.525.502
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.485.351.316.176</b>	<b>1.453.742.310.456</b>



Hà Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Kỳ này	Kỳ trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	666.127.617.557	684.360.979.676
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (10 = 01 - 02)	10		666.127.617.557	684.360.979.676
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	619.125.768.829	639.288.769.378
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	20		47.001.848.728	45.072.210.298
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	11.627.765.212	15.290.864.942
7. Chi phí tài chính	22	26	18.338.244.837	10.880.136.674
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		16.073.885.729	8.226.296.411
8. Chi phí bán hàng	25	27	20.965.159.686	10.245.093.453
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	18.894.378.303	18.301.901.028
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		431.831.114	20.935.944.085
11. Thu nhập khác	31	29	6.971.475.940	7.352.730.500
12. Chi phí khác	32	30	6.344.555.030	23.035.388.186
13. <b>Lợi nhuận khác</b> (40 = 31 - 32)	40		626.920.910	(15.682.657.686)
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	50		1.058.752.024	5.253.286.399
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	-	1.089.862.717
16. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51)	60		1.058.752.024	4.163.423.682
17. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	32	32,90	129,36



Hà Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.058.752.024</b>	<b>5.253.286.399</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	5.887.348.441	6.374.040.181
- Các khoản dự phòng	03	(4.038.399.316)	(439.620.784)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	898.116.629	(5.780.268.457)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.107.306.603)	(3.136.906.091)
- Chi phí lãi vay	06	16.073.885.729	8.226.296.411
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>15.772.396.904</b>	<b>10.496.827.659</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(155.499.181.857)	224.186.462.969
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	19.102.224.293	78.327.382.766
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(65.005.354.836)	(196.496.176.463)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(9.816.867.469)	(2.506.001.340)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(17.133.928.282)	(7.320.605.034)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.181.801.786)	(4.019.273.575)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.681.677.321)	(4.931.740.327)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(222.444.190.354)</b>	<b>97.736.876.655</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.166.682.568)	(3.907.103.537)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	30.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	20.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(25.183.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.896.480.657	3.327.536.228
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.270.201.911)</b>	<b>(5.732.567.309)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	440.658.361.305	208.045.553.051
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(331.185.791.615)	(524.621.693.604)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(39.791.283.266)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>109.472.569.690</b>	<b>(356.367.423.819)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(116.241.822.575)</b>	<b>(264.363.114.473)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>203.273.189.687</b>	<b>455.350.701.342</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	26.475.037	2.858.838
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>87.057.842.149</b>	<b>190.990.445.707</b>



Hà Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Nguyễn Ngọc Sơn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100683374 cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 12 năm 2001 và sửa đổi lần thứ 18 vào ngày 14 tháng 6 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 321.850.000.000 VND.

Công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: ICT

Trụ sở hoạt động của Công ty tại: 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**Tổng số lao động trong Công ty**

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 475 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 480 người).

**Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (Máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thiết bị truyền thông: Sản xuất các thiết bị trong ngành truyền hình, đầu tư sản xuất thiết bị viễn thông, internet, sản xuất trong lĩnh vực viễn thông;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Đào tạo công nghệ viễn thông, đào tạo công nghệ thông tin;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, hệ thống trung tâm dữ liệu (Data center), các thiết bị trong ngành truyền hình, ứng dụng công nghệ mới để sản xuất thiết bị thông tin, viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Dịch vụ kỹ thuật đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng mạng viễn thông;
- Hoạt động viễn thông khác: Đại lý kinh doanh dịch vụ ứng dụng trên mạng internet và viễn thông, dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực viễn thông, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực viễn thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: Cung cấp các dịch vụ;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu: Sản xuất thiết bị bảo vệ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu: Kinh doanh thiết bị bảo vệ;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính: Đầu tư sản xuất máy tính, sản xuất trong lĩnh vực tin học;
- Lắp trình máy vi tính: Đầu tư sản xuất sản phẩm phần mềm;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính: Dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực tin học, cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tin học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng hạ tầng viễn thông, các trung tâm dữ liệu (Data Center), xây lắp công trình viễn thông;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Dịch vụ thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh (Tiếp theo)**

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển: dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: cung cấp các dịch vụ nghiên cứu công nghệ thông tin;
- Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc: đại lý xổ số, bán lẻ vé số (bán lẻ qua đại lý hương hoa hồng);
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Công thông tin: Hoạt động thương mại điện tử, thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; thiết bị điện tử và quang học; thiết bị điện;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Sản xuất linh kiện điện tử, sản phẩm điện tử dân dụng;
- Xuất bản phần mềm;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất điện: sản xuất điện năng lượng mặt trời (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Truyền tải và phân phối điện.

**Hoạt động chính**

- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông và tin học;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp: Cung cấp các dịch vụ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông và tin học bao gồm cả xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị và hệ thống đồng bộ trong lĩnh vực viễn thông và tin học.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

- Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện (Chi nhánh Hồ Chí Minh): Hạch toán độc lập.
- Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện tại Đà Nẵng: Hạch toán độc lập.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét. Các thông tin tài chính nêu trên so sánh được với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kỳ này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định của Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó, bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

##### **Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)**

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

*Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào đơn vị khác được trích lập như sau:*

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

##### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Khung khấu hao cụ thể như sau

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03 - 07
Tài sản cố định khác	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất của Công ty là lâu dài nên không thực hiện trích khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí chờ kết chuyển công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng tối đa không quá ba năm.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)**

- Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi sổ bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động. Các khoản dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành thiết bị và các dự án thi công của Công ty.

##### **Nguồn vốn**

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập theo quy định của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ được phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

##### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản dựa trên phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần ITTA	Có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật viễn thông Hà Nội	Có cùng lãnh đạo chủ chốt
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	Lãnh đạo chủ chốt

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.051.915.666	413.832.908
Tiền gửi ngân hàng	71.005.926.483	92.459.356.779
Các khoản tương đương tiền (i)	15.000.000.000	110.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>87.057.842.149</b>	<b>203.273.189.687</b>

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng với lãi suất 5,4%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</i>	<b>359.239.417.876</b>	<b>325.659.850.324</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	358.549.850.894	324.709.207.902
Công ty Cổ phần ITTA	686.910.482	948.147.622
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật viễn thông Hà Nội	2.656.500	2.494.800
<i>b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là các đối tượng khác</i>	<b>530.012.574.742</b>	<b>345.857.505.844</b>
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	257.032.932.127	132.093.444.993
Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	101.265.137.266	138.458.619.217
Các đối tượng khác	171.714.505.349	75.305.441.634
<b>Cộng</b>	<b>889.251.992.618</b>	<b>671.517.356.168</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG - TIN HỌC BƯU ĐIỆN**158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng,  
thành phố Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo***6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ FSI	32.226.349.099	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Hạnh Minh Ascent Communication Technology Limited (ACT)	17.536.029.176	4.813.318.620
Công ty TNHH Thái Việt	2.786.245.500	2.786.245.500
Công ty Cổ phần Công nghệ tự động Tầm nhìn Payorbit Pte., Ltd	2.616.719.949	-
Ponticulus., Ltd	2.104.551.000	2.104.551.000
Các đối tượng khác	-	97.365.382.500
<b>Cộng</b>	7.603.303.587	5.243.545.980
	<b>64.873.198.311</b>	<b>119.541.333.691</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>32.049.291.908</b>	-	<b>34.515.233.922</b>	-
Lãi dự thu	44.186.302	-	184.438.356	-
Tạm ứng	2.181.092.859	-	1.492.148.904	-
Ký cược, ký quỹ	377.546.366	-	554.046.566	-
Các khoản phải thu khác	29.446.466.381	-	32.284.600.096	-
<i>Phải thu về hoạt động đối soát thanh toán Vietlott (i)</i>	<i>8.994.542.861</i>	-	<i>11.069.473.906</i>	-
<i>Phải thu về cổ tức được nhận</i>	<i>1.834.018.000</i>	-	<i>482.940.000</i>	-
<i>Phải thu về chuyển nhượng vốn góp (ii)</i>	<i>17.633.753.798</i>	-	<i>20.070.740.100</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>984.151.722</i>	-	<i>661.446.090</i>	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.455.138.909</b>	-	<b>1.456.065.109</b>	-
Ký cược, ký quỹ	1.455.138.909	-	1.456.065.109	-

**Ghi chú:**

- (i) Công ty liên danh cùng Tổng Công ty Truyền thông (VNPT - MEDIA) và Tổng Công ty Viễn thông Mobifone làm Đại lý Xổ số tự chọn số điện toán qua điện thoại di động cho Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam theo các Hợp đồng số 01/2020/HĐĐLĐT/VIETLOTT-MOBIFIONE-CTIN ngày 24 tháng 11 năm 2020 và Hợp đồng số 02/2020/HĐĐLĐT/VIETLOTT-VNPTMEDIA-CTIN ngày 19 tháng 12 năm 2020. Số dư Phải thu khác là số tiền nộp mua hạn mức cho Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam và phải thu về các công ty ví điện tử về hoạt động bán vé Vietlott.
- (ii) Phản ánh khoản phải thu Công ty TNHH Tri tuệ số Việt VDC về chuyển nhượng khoản đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.883.554.647	-	1.206.039.266	-
Công cụ, dụng cụ	44.267.985	-	44.267.985	-
Chi phí SXKD dở dang	113.863.792.534	-	119.367.200.176	-
- Hạ tầng máy chủ Digital Intel	50.024.845.591	-	-	-
phục vụ ngân hàng 100% vốn của MB tại Campuchia				
- SOC Quảng Nam	17.203.130.915	-	-	-
- Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại BV Nhi Tĩnh Nam Định giai đoạn 2021 - 2022	4.018.923.312	-	300.000	-
- Mua license cho Metro MLMN Mobifone	4.596.621.509	-	-	-
- Mở rộng năng lực mạng MAN-E vùng 28 Tỉnh, Thành phố năm 2022 tại Tổng Công ty Hạ tầng mạng	1.057.228.462	-	66.945.955.205	-
- Nâng cấp mạng metro cho các tỉnh miền Tây Nam Bộ	-	-	20.772.901.390	-
- Cung cấp thiết bị OLT-GPON loại nhỏ cho các VNPT tỉnh, thành phố	-	-	7.353.532.393	-
- Các dự án khác	36.963.042.745	-	24.294.511.188	-
Thành phẩm	163.223.443	-	163.223.443	-
Hàng hoá	42.944.000.037	(888.162.578)	57.220.332.069	(888.162.578)
<b>Cộng</b>	<b>158.898.838.646</b>	<b>(888.162.578)</b>	<b>178.001.062.939</b>	<b>(888.162.578)</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>23.446.406.282</b>	<b>11.200.533.679</b>
Chi phí chờ kết chuyển	23.446.406.282	11.200.533.679
<b>Dài hạn</b>	<b>12.219.438.113</b>	<b>14.648.443.247</b>
Phân bổ công cụ, dụng cụ (trên 01 năm)	12.219.438.113	14.648.443.247



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số đầu năm	45.781.969.464	42.340.689.622	17.012.933.662	19.290.313.368	79.319.281.805	203.745.187.921
Mua sắm mới	-	-	491.857.108	318.184.000	-	810.041.108
Số cuối kỳ	45.781.969.464	42.340.689.622	17.504.790.770	19.608.497.368	79.319.281.805	204.555.229.029
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
Số đầu năm	22.151.881.690	26.247.470.417	9.700.940.383	18.422.302.168	74.311.652.238	150.834.246.896
Khấu hao trong kỳ	792.332.934	1.713.230.610	944.812.520	194.470.146	1.228.437.023	4.873.283.233
Số cuối kỳ	22.944.214.624	27.960.701.027	10.645.752.903	18.616.772.314	75.540.089.261	155.707.530.129
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số đầu năm	23.630.087.774	16.093.219.205	7.311.993.279	868.011.200	5.007.629.567	52.910.941.025
Số cuối kỳ	22.837.754.840	14.379.988.595	6.859.037.867	991.725.054	3.779.192.544	48.847.698.900

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 117.919.109.720 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 117.071.099.249 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 - Vay và nợ thuê tài chính, giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 của tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ ngõ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã dùng để đảm bảo cho khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Hội sở là 904.688.578 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 979.165.066 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	13.558.738.370	74.064.848.024	87.623.586.394
Số cuối kỳ	13.558.738.370	74.064.848.024	87.623.586.394
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	3.085.093.603	-	3.085.093.603
Khấu hao trong kỳ	1.014.065.208	-	1.014.065.208
Số cuối kỳ	4.099.158.811	-	4.099.158.811
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	10.473.644.767	74.064.848.024	84.538.492.791
Số cuối kỳ	9.459.579.559	74.064.848.024	83.524.427.583

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	20.474.567.957	20.474.567.957	12.403.911.938	12.403.911.938
Đầu tư công trình xây dựng cơ bản	20.474.567.957	20.474.567.957	12.403.911.938	12.403.911.938
<u>Trong đó:</u>				
Đầu tư INB cho tòa City Land - 18 Phan Văn Trị	1.303.843.400	1.303.843.400	1.271.057.400	1.271.057.400
Dự án Pilot Men Hà Tĩnh	4.593.404.535	4.593.404.535	-	-
Trang bị thiết bị phục vụ LAB	3.775.262.254	3.775.262.254	673.012.963	673.012.963
Dự án MobileID cho Vinaphone (i)	8.315.334.449	8.315.334.449	8.315.334.449	8.315.334.449
Dự án xây dựng lắp đặt khác	2.486.723.319	2.486.723.319	2.144.507.126	2.144.507.126

**Ghi chú:**

- (i) Các dự án đang triển khai được Công ty đầu tư hình thành tài sản cố định nhằm mục đích kinh doanh dịch vụ xác thực chữ ký số.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>66.374.000.000</b>	<b>(1.067.450.714)</b>		<b>66.374.000.000</b>	<b>(1.609.800.000)</b>	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>66.374.000.000</b>	<b>(1.067.450.714)</b>		<b>66.374.000.000</b>	<b>(1.609.800.000)</b>	
Công ty CP Dịch vụ An toàn thông tin TP. Hồ Chí Minh	22.500.000.000	-	(i)	22.500.000.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật số Việt	20.000.000.000	-	(i)	20.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông HN	12.000.000.000	-	(i)	12.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Công nghệ Truyền thông Việt Nam (ii)	8.049.000.000	(1.067.450.714)	6.981.549.286	8.049.000.000	(1.609.800.000)	6.439.200.000
Công ty CP ITTA	3.200.000.000	-	(i)	3.200.000.000	-	(i)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625.000.000	-	(i)	625.000.000	-	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (ii) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào cổ phiếu theo quy định hiện hành. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá giao dịch trên thị trường chứng khoán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Tp. Hà Nội	19,00%	19,00%	Thương mại
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Tp. Hà Nội	15,00%	15,00%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Công nghệ Truyền thông Việt Nam	Tp. Hà Nội	3,30%	3,30%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP ITTA	Tp. Hà Nội	18,88%	18,88%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	Tp. Hà Nội	2,50%	2,50%	Dịch vụ viễn thông
Công ty CP Dịch vụ An toàn thông tin TP. Hồ Chí Minh	Tp. Hồ Chí Minh	15,00%	15,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Huawei International Pte Ltd	61.146.741.264	61.146.741.264	188.004.834.712	188.004.834.712
Công ty Cổ phần Viễn thông Vinasat Việt Nam	54.251.347.378	54.251.347.378	27.974.708.624	27.974.708.624
Ericsson AB	-	-	21.261.748.492	21.261.748.492
Công ty Cổ phần ZME	17.652.114.480	17.652.114.480	5.175.908.980	5.175.908.980
Ponticulus., Ltd	16.591.904.613	16.591.904.613	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Công nghệ Chân Trời	15.654.055.116	15.654.055.116	-	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát triển Công nghệ Quốc Gia ADG	14.935.922.100	14.935.922.100	-	-
Công ty Star Excellence	10.776.708.088	10.776.708.088	10.767.633.202	10.767.633.202
Payorbit Pte., Ltd	7.199.871.570	7.199.871.570	-	-
Công ty TNHH ACE Antenna	6.861.917.726	6.861.917.726	14.497.512.133	14.497.512.133
Các đối tượng khác	39.059.037.405	39.059.037.405	58.728.589.613	58.728.589.613
<b>Cộng</b>	<b>244.129.619.740</b>	<b>244.129.619.740</b>	<b>326.410.935.756</b>	<b>326.410.935.756</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>6.029.502.330</b>	<b>-</b>
Viễn thông Quảng Nam - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.029.502.330	-
<b>b) Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác</b>	<b>42.395.185.176</b>	<b>10.628.380.828</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh MBCampuchia	21.166.140.306	-
Ban Quản lý Dự án Giáo dục THCS Khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	4.576.608.000	-
Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh	3.766.543.200	3.766.543.200
Bệnh viện Nhi tỉnh Nam Định	3.018.300.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Việt Nam	2.596.723.593	2.596.723.593
Tổng Công ty Mạng lưới VIETTEL - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	-	2.444.556.657
Các đối tượng khác	7.270.870.077	1.820.557.378
<b>Cộng</b>	<b>48.424.687.506</b>	<b>10.628.380.828</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp/ phải thu trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp/ thực thu trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	656.664.854	4.526.007.946	1.184.027.486	3.998.645.314
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	6.736.798.547	6.736.798.547	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.929.646	11.929.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.181.801.786	-	2.181.801.786	-
Thuế thu nhập cá nhân	21.065.614	2.021.989.557	2.040.148.621	2.906.550
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	92.881.334	92.881.334	-
Các loại thuế khác	177.875.075	9.631.866.822	9.641.188.394	168.553.503
<b>Cộng</b>	<b>3.037.407.329</b>	<b>23.021.473.852</b>	<b>21.888.775.814</b>	<b>4.170.105.367</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	102.392.558	102.392.558	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.775.909.017	1.775.909.017	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.878.301.575</b>	<b>1.878.301.575</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí thuế ngoài phục vụ dự án	18.832.506.171	18.188.785.073
Trích trước chi phí lãi vay	419.449.517	3.716.478.375
Chi phí trích trước khác	-	5.042.269.180
<b>Cộng</b>	<b>19.251.955.688</b>	<b>26.947.532.628</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>54.836.808.795</b>	<b>29.720.784.671</b>
- Kinh phí công đoàn	2.546.237.663	2.366.432.559
- Bảo hiểm xã hội	-	3.146.238
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	296.171
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	160.000.000	269.880.015
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	33.433.580.615	1.251.805.865
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	136.950.776	1.848
- Khách hàng đặt cọc nộp tiền vào tài khoản để sử dụng dịch vụ của Vietlot	13.961.962.616	13.372.008.174
- Phải trả về hoa hồng đại lý và trả thưởng	1.133.772.187	4.883.959.460
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.464.304.938	7.573.254.341
<b>b) Dài hạn</b>	<b>842.352.915</b>	<b>778.215.900</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	842.352.915	778.215.900

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Dự phòng phải trả ngắn và dài hạn là khoản dự phòng bảo hành thiết bị và các dự án Công ty thực hiện.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>455.475.249.783</b>	<b>455.475.249.783</b>	<b>440.658.361.305</b>	<b>331.185.791.615</b>	<b>346.002.680.093</b>	<b>346.002.680.093</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (i)	67.466.792.456	67.466.792.456	128.175.015.504	251.852.772.706	191.144.549.658	191.144.549.658
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch (ii)	105.321.545.199	105.321.545.199	92.397.128.991	73.299.503.892	86.223.920.100	86.223.920.100
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iii)	67.289.557.492	67.289.557.492	67.289.557.492	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng (iv)	62.600.695.318	62.600.695.318	-	6.033.515.017	68.634.210.335	68.634.210.335
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	1.362.741.600	1.362.741.600	1.362.741.600	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (v)	151.433.917.718	151.433.917.718	151.433.917.718	-	-	-

**Ghi chú:**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022-HĐCVHM/NHCT142-CTIN ký ngày 31 tháng 10 năm 2022 với hạn mức là 980.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, mục đích vay phục vụ hoạt động kinh doanh truyền thông (sản phẩm, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và phần mềm). Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất (Nhà làm việc 4 tầng) tại địa chỉ 158/2 phố Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Hợp đồng tín dụng số 2408/2022/204 ngày 24 tháng 8 năm 2022 với hạn mức 800.000.000.000 VND, thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cho vay ghi trên từng giấy nhận nợ, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Phạm Hùng theo Hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HDTD/790500014254 ngày 08 tháng 02 năm 2022 với giá trị hạn mức tín dụng là: 100.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất thả nổi theo từng khế ước nhận nợ; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số TLG2022641747 ký ngày 05 tháng 12 năm 2022 với hạn mức là 700.000.000.000 VND, mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị và dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin. Lãi suất thả nổi theo từng khế ước nhận nợ; khoản vay không có tài sản đảm bảo.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Đơn vị: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	321.850.000.000	2.512.000.000	96.915.896.964	280.793.672.972	702.071.569.936
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.890.525.502	18.890.525.502
Trả cổ tức	-	-	-	(53.105.250.000)	(53.105.250.000)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.581.822.071)	(5.581.822.071)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>321.850.000.000</b>	<b>2.512.000.000</b>	<b>96.915.896.964</b>	<b>240.997.126.403</b>	<b>662.275.023.367</b>
Số dư đầu năm nay	321.850.000.000	2.512.000.000	96.915.896.964	240.997.126.403	662.275.023.367
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.058.752.024	1.058.752.024
Trả cổ tức (i)	-	-	-	(32.185.000.000)	(32.185.000.000)
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(1.798.378.028)	(1.798.378.028)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(136.948.928)	(136.948.928)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>321.850.000.000</b>	<b>2.512.000.000</b>	<b>96.915.896.964</b>	<b>207.935.551.471</b>	<b>629.213.448.435</b>

Ghi chú:

- (i) Phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023. Chi tiết:
- Chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10%/Vốn điều lệ, giá trị là 32.185.000.000 VND;
  - Trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 9,52% Lợi nhuận sau thuế năm 2022, giá trị là 1.798.378.028 VND. Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 136.948.928 VND.

Trong kỳ, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*Tình hình góp vốn của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ đông tổ chức	103.431.270.000	103.431.270.000
Cổ đông cá nhân	218.418.730.000	218.418.730.000
<b>Cộng</b>	<b>321.850.000.000</b>	<b>321.850.000.000</b>

*Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023:*

	Kỳ này	Kỳ trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.185.000	32.185.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.185.000	32.185.000
+ Cổ phiếu phổ thông	32.185.000	32.185.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.185.000	32.185.000
+ Cổ phiếu phổ thông	32.185.000	32.185.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

**Cổ tức**

Trong kỳ, Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông.

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
+ USD	3.942,35	23.661,40
+ EUR	218,76	224,11

**23. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	587.143.152.770	604.956.404.613
Doanh thu cung cấp dịch vụ	78.984.464.787	79.404.575.063
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>666.127.617.557</b>	<b>684.360.979.676</b>
(Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh số 35)	335.825.837.575	379.509.629.610

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	547.720.055.459	574.131.988.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	71.405.713.370	65.156.781.133
<b>Cộng</b>	<b>619.125.768.829</b>	<b>639.288.769.378</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.883.188.603	2.729.306.091
Lãi chênh lệch tỷ giá; chiết khấu thanh toán	7.520.458.609	12.183.958.851
Cổ tức nhận được chia	2.224.118.000	377.600.000
<b>Cộng</b>	<b>11.627.765.212</b>	<b>15.290.864.942</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.073.885.729	8.226.296.411
Lỗ chênh lệch tỷ giá	953.747.330	105.386.826
Phí LC ngân hàng, phí bảo lãnh	1.852.961.064	2.548.453.437
Hoàn nhập/trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(542.349.286)	-
<b>Cộng</b>	<b>18.338.244.837</b>	<b>10.880.136.674</b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	10.575.147.705	11.474.186.818
Chi phí vật liệu quản lý	11.585.636	48.767.221
Chi phí đồ dùng văn phòng	231.677.464	219.210.173
Chi phí khấu hao TSCĐ	764.583.269	768.515.881
Thuế, phí và lệ phí	751.728.003	479.191.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.251.824.279	1.228.582.804
Chi phí bằng tiền khác	5.307.831.947	4.083.446.947
<b>Cộng</b>	<b>18.894.378.303</b>	<b>18.301.901.028</b>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí bảo hành	5.570.260.679	110.413.153
Chi phí nhân viên	6.781.733.460	6.504.339.658
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	37.901.796	30.443.973
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.696.664	58.132.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.809.903.919	1.471.828.773
Chi phí bằng tiền khác	5.753.663.168	2.069.935.298
<b>Cộng</b>	<b>20.965.159.686</b>	<b>10.245.093.453</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.553.899.564	2.200.835.612
Chi phí nhân công	34.505.930.108	35.066.989.304
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.887.348.441	6.374.040.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.697.207.176	42.902.728.007
Chi phí khác bằng tiền	15.247.803.127	7.226.831.492
<b>Cộng</b>	<b>112.892.188.417</b>	<b>93.771.424.596</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thường doanh số	1.530.931.987	3.458.262.139
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.292.061.719	3.618.310.613
Chi phí hoàn nhập bảo hành công trình	3.095.743.243	101.471.280
Thanh lý xe ô tô	-	30.000.000
Thu nhập khác	1.052.738.991	144.686.468
<b>Cộng</b>	<b>6.971.475.940</b>	<b>7.352.730.500</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	6.321.247.316	22.923.520.212
Chi phí khác	23.307.714	111.867.974
<b>Cộng</b>	<b>6.344.555.030</b>	<b>23.035.388.186</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.089.862.717
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.089.862.717</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.058.752.024</b>	<b>5.253.286.399</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(1.684.940.563)</b>	<b>196.027.184</b>
+ (Lãi)/Lỗ CLTG đánh giá của khoản mục tiền và phải thu kỳ này	102.136.500	(413.733.223)
+ Lãi/(lỗ) CLTG đánh giá của khoản mục tiền và phải thu năm trước	413.733.223	78.749.174
+ Trừ: Thu nhập không chịu thuế (i)	(2.224.118.000)	(377.600.000)
+ Cộng: Chi phí không được trừ	23.307.714	908.611.233
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(626.188.539)</b>	<b>5.449.313.583</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.089.862.717</b>

**Ghi chú:**

(i) Thu nhập không chịu thuế là cổ tức và lợi nhuận được chia của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Trong kỳ, ngoài khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế nêu trên, Công ty đánh giá không có khoản chênh lệch nào khác giữa lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp và thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.058.752.024	4.163.423.682
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.058.752.024	4.163.423.682
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	32.185.000	32.185.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32,90	129,36
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**Ghi chú:**

- (i) Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2023, theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa tính ảnh hưởng của việc điều chỉnh Quỹ Khen thưởng phúc lợi.

Trong kỳ, Công ty trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2022 số tiền 1.798.378.028 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023. Giá trị phân phối này tác động đến Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ được điều chỉnh trên thông tin so sánh của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Công ty không xác định được giá trị phân phối cho kỳ hoạt động 6 tháng năm 2022.

**33. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

**Khu vực địa lý**

Trong kỳ, hoạt động của Công ty chỉ tập trung chủ yếu trong địa bàn thành phố Hà Nội, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực viễn thông tin học. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	455.475.249.783	346.002.680.093
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	87.057.842.149	203.273.189.687
Nợ thuần	368.417.407.634	142.729.490.406
Vốn chủ sở hữu	629.213.448.435	662.275.023.367
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,59	0,22

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính khác. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.057.842.149	-	203.273.189.687	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	918.742.645.301	(1.561.553.315)	703.986.394.620	(1.561.553.315)
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	66.374.000.000	(1.067.450.714)	66.374.000.000	(1.609.800.000)
Tài sản tài chính khác	1.832.685.275	-	2.010.111.675	-
<b>Cộng</b>	<b>1.074.007.172.725</b>	<b>(2.629.004.029)</b>	<b>975.643.695.982</b>	<b>(3.171.353.315)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			455.475.249.783	346.002.680.093
Phải trả người bán, phải trả khác			299.808.781.450	356.909.936.327
Chi phí phải trả			23.062.269.314	35.578.080.256
<b>Cộng</b>			<b>778.346.300.547</b>	<b>738.490.696.676</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác, như cổ phiếu.

*Rủi ro về tỷ giá*

Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Công ty khi Công ty mua và bán các loại hàng hóa bằng các loại ngoại tệ khác với đồng tiền hạch toán kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro tỷ giá thông qua việc xem xét tình hình thị trường hiện tại và dự kiến khi Công ty có kế hoạch mua bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty chưa sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu từ khách hàng và từ hoạt động tài chính, như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.057.842.149	-	-	87.057.842.149
Phải thu khách hàng, phải thu khác	918.742.645.301	-	-	918.742.645.301
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	66.374.000.000	-	66.374.000.000
Tài sản tài chính khác	377.546.366	1.455.138.909	-	1.832.685.275
<b>Cộng</b>	<b>1.006.178.033.816</b>	<b>67.829.138.909</b>	<b>-</b>	<b>1.074.007.172.725</b>
Vay và nợ	455.475.249.783	-	-	455.475.249.783
Phải trả người bán, phải trả khác	298.966.428.535	842.352.915	-	299.808.781.450
Chi phí phải trả	23.062.269.314	-	-	23.062.269.314
<b>Cộng</b>	<b>777.503.947.632</b>	<b>842.352.915</b>	<b>-</b>	<b>778.346.300.547</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>228.674.086.184</b>	<b>66.986.785.994</b>	<b>-</b>	<b>295.660.872.178</b>
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	203.273.189.687	-	-	203.273.189.687
Phải thu khách hàng, phải thu khác	703.986.394.620	-	-	703.986.394.620
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	66.374.000.000	-	66.374.000.000
Tài sản tài chính khác	554.046.566	1.456.065.109	-	2.010.111.675
<b>Cộng</b>	<b>907.813.630.873</b>	<b>67.830.065.109</b>	<b>-</b>	<b>975.643.695.982</b>
Vay và nợ	346.002.680.093	-	-	346.002.680.093
Phải trả người bán, phải trả khác	356.131.720.427	778.215.900	-	356.909.936.327
Chi phí phải trả	35.578.080.256	-	-	35.578.080.256
<b>Cộng</b>	<b>737.712.480.776</b>	<b>778.215.900</b>	<b>-</b>	<b>738.490.696.676</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>170.101.150.097</b>	<b>67.051.849.209</b>	<b>-</b>	<b>237.152.999.306</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư với bên liên quan tại Thuyết minh số 5 và 15, trong kỳ, Công ty còn có các giao dịch và số dư với bên liên quan chủ yếu sau:

	Mối quan hệ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán hàng</b>		<b>335.825.837.575</b>	<b>379.509.629.610</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	334.706.113.065	377.973.700.565
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	12.500.000	258.000.000
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	624.464.074	552.758.140
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	482.760.436	725.170.905
<b>Mua hàng</b>		<b>2.984.056.141</b>	<b>7.505.300.879</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	860.042.126	1.122.868.553
Công ty Cổ phần Đầu tư Kỹ thuật số Việt	Cùng TV HĐQT	2.039.388.566	5.912.835.558
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	79.625.449	224.098.768
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	5.000.000	245.498.000
<b>Cổ tức đã trả</b>		-	<b>13.152.240.400</b>
Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam	Cổ đồng	-	13.152.240.400
<b>Cổ tức nhận được</b>		-	<b>377.600.000</b>
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	-	377.600.000
	Mối quan hệ	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải trả khác</b>		<b>697.155.955</b>	<b>683.143.455</b>
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	227.447.663	227.447.663
Công ty Cổ phần ITTA	Cùng TV HĐQT	469.708.292	455.695.792
<b>Phải thu khác</b>		<b>1.270.588.000</b>	-
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông Hà Nội	Cùng TV HĐQT	1.270.588.000	-

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:**

Thành viên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoàng Anh Lộc	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 01/7/2022)	428.520.000	374.250.000
Hà Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	388.920.000	416.820.000
Tô Hoài Văn	Ủy viên HĐQT	313.520.000	386.550.000
Lê Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/7/2022)	349.320.000	-
Nguyễn Đình Du	Trưởng BKS (từ ngày 01/7/2022)	292.520.000	-
Nguyễn Thành Hiếu	Thành viên BKS	254.120.000	277.320.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo*

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ (Mã số 21) không bao gồm 770.397.851 VND là số tiền đã thanh toán từ kỳ trước và 1.943.616.708 VND là số tiền mua tài sản trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu tăng/giảm các khoản phải thu (Mã số 09) và chi tiêu tăng/giảm các khoản phải trả (Mã số 11) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ (Mã số 27) không bao gồm 1.210.825.946 VND là chênh lệch cuối kỳ đầu kỳ của Lãi dự thu và cổ tức chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu tăng/giảm các khoản phải thu (Mã số 09) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ (Mã số 14) không bao gồm 3.297.028.858 VND là chênh lệch cuối kỳ đầu kỳ của Chi phí lãi vay trích trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu tăng/giảm các khoản phải trả (Mã số 11) trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ (Mã số 14) không bao gồm 2.236.986.305 VND là tiền lãi vay phải trả đã bù trừ với số phải thu Công ty Cổ phần Trí tuệ số Việt VDC về chuyển nhượng khoản đầu tư với khoản vay Công ty TNHH MTV Thanh toán Viễn thông Tin học Bưu điện. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chi tiêu Tiền chi trả gốc vay (Mã số 34) của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ.

**37. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo các Biên bản họp ngày 28 tháng 5 năm 2021 và ngày 30 tháng 9 năm 2021 giữa Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội và Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện ("Công ty") về việc ghi nhận lỗi phát sinh trong quá trình triển khai Hợp đồng số 03/Viettel-CTIN/2020 do lỗi thuộc về Công ty, theo đó, Công ty cam kết phục hồi hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2023, đồng thời, bồi thường thiệt hại và các điều khoản phạt do chậm giao hàng tại hợp đồng triển khai với các khách hàng khác (nếu có). Đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán, theo báo cáo tổng hợp dự án còn phát sinh lỗi chưa khắc phục được hoàn toàn nên Công ty có thể phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng do việc cam kết phục hồi và bồi thường thiệt hại nêu trên.



**Hà Thanh Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

**Nguyễn Ngọc Sơn**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Thu Hương**  
**Người lập**